

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Truyện dân gian (Truyền thuyết, cổ tích)	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng mà xã hội quan tâm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			20		40		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (Truyền thuyết, cổ tích)	Nhận biết: - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện cổ tích; chi tiết tiêu biểu, nhân vật. - Nhận biết được ngôi kể. Thông hiểu: - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động. - Xác định được biện pháp tu từ trong đoạn trích. - Xác định được nghĩa của từ - Cấu tạo của cụm từ Vận dụng: - Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật - Kể những việc làm thể hiện sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ người khác.	3 TN	5TN	2TL	

2	Viết	Trình bày ý kiến về một hiện tượng mà xã hội quan tâm	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản) Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu. - Viết được bài văn bản trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm Vận dụng cao: Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng số				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60%		40%	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6
(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Tự nhiên ở trên không, có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đặng, gạo ra một nẻo. Chúng nó lảng xăng ríu rít chỉ trong một lát đã làm xong, không suy suyển một hạt. Nhưng khi chim sẻ đã bay đi rồi, Tấm lại nức nở khóc. Bụt lại hỏi:

- Con làm sao còn khóc nữa?
- Con rách rưới quá, người ta không cho con vào xem hội.
- Con hãy đào những cái lọ xương bống đã chôn ngày trước lên thì sẽ có đủ mọi thứ cho con thấy hội.

Tấm vâng lời, đi đào các lọ lên. Đào lọ thứ nhất, lấy ra được một bộ áo mớ ba, một cái xống lụa, một cái yếm lụa điều và một cái khăn nhiễu. Đào lọ thứ hai, lấy ra được một đôi giày thêu, đi vừa như in. Lọ thứ ba đào lên thì thấy một con ngựa bé tí, nhưng vừa đặt con ngựa xuống đất, bỗng chốc nó đã hí vang lên và biến thành ngựa thật. Đào đến lọ cuối cùng thì lấy ra được một bộ yên cương xinh xắn. Tấm mừng quá vội tắm rửa rồi thay bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi. Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô. Nhưng khi phóng qua một chỗ lội, Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống nước không kịp nhặt. Khi ngựa dừng lại ở đám hội, Tấm lấy khăn gói chiếc giày còn lại rồi chen vào biển người.

(Nguyễn Đồng Chi, **Tấm Cám**, trích **Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam**,

tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 1170)

Thực hiện các yêu cầu:

1.Chọn câu trả lời đúng nhất

Câu 1: Đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

A. Truyện cổ tích.

B. Truyện đồng thoại.

C. Truyện truyền thuyết.

D. Truyện cười.

Câu 2: Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể nào?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Không có ngôi kể

Câu 3: Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Cám

B. Tấm

C. Ông Bụt

D. Dì ghẻ

Câu 4: Nghĩa của từ “trẩy hội” là:

A. đi dự hội hằng năm, thường đi rất đông người

B. đi chúc Tết, đi rất đông người

C. đi chơi xuân, đi nhiều người

D. đi ăn cỗ, thường đi đông người

Câu 5: Xác định biện pháp tu từ trong câu: “Đào lọ thứ hai, lấy ra được một đôi giày thêu, đi vừa như in”.

A. Nhân hóa

B. Điệp ngữ

C. So sánh

D. Ẩn dụ

Câu 6: Đàn chim sẻ đã giúp đỡ Tấm bằng cách nào?

A. Nhờ Bụt hướng dẫn cách giúp Tấm

B. Nhặt riêng thóc, gạo

C. Hát để Tấm vui

D. Động viên, an ủi Tấm

Câu 7: Trong câu: Tự nhiên ở trên không, có một đàn chim sẻ đáp xuống sân nhặt thóc ra một đống, gạo ra một nỏ.

“một đàn chim sẻ” là:

A. Cụm danh từ

B. Cụm động từ

C. Cụm tính từ

D. Vừa là cụm danh từ vừa là cụm động từ

Câu 8: Theo suy luận của em, chi tiết nào trong đoạn trích có vai trò quan trọng trong diễn biến tiếp theo của câu chuyện?

A. Vội tắm rửa rồi thay bộ vào, đoạn cưỡi lên ngựa mà đi

B. Đi đào các lọ lên

C. Ngựa phóng một chốc đã đến kinh đô

D. Một chiếc giày của Tấm bị rơi

2. Viết câu trả lời cho các câu hỏi sau:

Câu 9: Từ đoạn văn bản trên , hãy viết đoạn văn (khoảng 3-5 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật Tấm.

Câu 10: Nhờ sự, giúp đỡ của đàn chim sẻ và ông Bụt mà Tấm đã được đi xem hội. Hãy kể những việc làm của em thể hiện sự yêu thương, quan tâm và biết giúp đỡ người khác?

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm (học tập, dịch bệnh, môi trường, tệ nạn, ...).

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS viết đúng hình thức và độ dài của đoạn văn (3-5 câu) theo yêu cầu ở đề bài - Nêu được cảm nhận của bản thân về nhân vật Tấm (VD: ngoan ngoãn, biết vâng lời ; hiền lành, tốt bụng, chăm chỉ nên được giúp đỡ...; hồn nhiên, thích được tham gia lễ hội, được vui chơi,...)	0,25 0,75
	10	HS có thể nêu những việc làm khác nhau, ví dụ như: + Dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, trông em... + Chăm sóc ông bà, cha mẹ,... khi ốm đau + Quyên góp, ủng hộ người mù, tàn tật, neo đơn... + Giúp đỡ bạn học kém hơn mình cùng nhau tiến bộ + ...	1,0

II	VIẾT		4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:</i>	Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận. Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm. Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Hiện tượng đời sống là những hiện tượng nổi bật, có ý nghĩa hoặc ảnh hưởng tới phần lớn mọi người trong xã hội. (có thể là hiện tượng tích cực hoặc tiêu cực)	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể triển khai theo hướng sau:</i>	- Mở bài: Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy. - Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của người viết theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến người viết đưa ra các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ. - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến, đưa ra những đề xuất, giải pháp...	2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i>	Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt..	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i>	cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,5